TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-PT
Ngày: 24-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt

Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng***: Ông Nguyễn Văn Tư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/KDTM-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2018/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; địa chỉ trụ sở chính Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A: Ông Đào Hoàng N; chức vụ Chuyên viên xử lý nợ (theo Văn bản ủy quyền số 331/UQ-QLN.18 ngày 26/3/2018 của Giám đốc phòng quản lý nợ)

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn NĐC; địa chỉ trụ sở Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn NĐC: Bà Trần Thị Thảo L; Chức vụ: Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị Thảo L; địa chỉ nơi cư trú Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ánh T; địa chỉ nơi cư trú Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Văn Thị V; địa chỉ nơi cư trú Thôn Y, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người kháng cáo: Công ty TNHH NĐC.

(đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V có mặt tại phiên tòa; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017 và trong quá trình xét xử vụ án người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần A trình bày:

Ngày 06/8/2015, Ngân hàng thương mại cổ phần A có cấp tín dụng cho Công ty TNHH NĐC bằng hợp đồng tín dụng sau: Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.53.050815 ngày 06/08/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BLC.DN.53.0508/SĐBS-01 ngày 07/12/2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BLC.DN.53.050815/SĐBS-02 ngày 30/01/2016; Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.520.250116 ngày 28/01/2016, Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.820.290116 ngày 30/01/2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số BLC.DN.820.290116/BĐBS-02 ngày 30/01/2016 và Phụ lục Hợp đồng số BLC.DN.820.290116/PL-01.

Để thực hiện các hợp đồng tín dụng và bảo đảm tài sản cho vay là các khoản thế chấp gồm:

01- Thế chấp quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 1045, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Văn Thị V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số DLI.BĐDN.01.180412 ngày 18/04/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Di Linh, số công chứng 1187, quyển số 03TP/CC-

SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/04/2012.

02- Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số BLC.BĐDN.04.151014 ngày 17/10/2014 được công chứng tại Phòng Công chứng Số N tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 3246, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/10/2014, vào sổ tiếp nhận số thứ tự 3602.

03- Thế chấp Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và Thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLC.BĐDN.289.120615 ngày 17/06/2015 được công chứng tại Phòng Công chứng Số N tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 2177, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/06/2015, vào sổ tiếp nhận số thứ tự 3088.

04- Thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Thửa đất số 1134, tờ bản đồ số 30, xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLC.BĐDN.93.041215 ngày 04/12/2015 được công chứng tại Văn phòng Công chứng LTK, số công chứng 15, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm ngày 04/12/2015, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 1, số thứ tự 5553.

05- Thế chấp Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu vàng cam ghi, biển kiểm soát số 49C-022.75 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số DLI.BĐDN.01070512 ngày 11/05/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Di Linh, số công chứng 01260, quyển số 03, và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/05/2012 có số đăng ký là 1133102677.

06- Thế chấp Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-049.20 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.42.091013 ngày 09/10/2013 và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/10/2013 có số đăng ký là 1150119192.

07- Thế chấp Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-060.74 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.193.250414 ngày 28/04/2014 và đăng ký thế chấp Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/04/2014 có số đăng ký là 1158500111.

08- Thế chấp Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DAEWOO, màu đỏ, biển kiểm soát số 49C-088.37 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số BLC.BĐDN.20.050815 ngày 05/08/2015 và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/08/2015 có số đăng ký là 1188169263.

Và:

01- Chứng thư bảo lãnh ngày 05/08/2015 do bà Trần Thị Thảo L, bà Nguyễn Thị Ánh T ký. Theo đó, bà Trần Thị Thảo L, bà Nguyễn Thị Ánh T đồng ý trả nợ thay cho Công ty TNHH NĐC khi Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với ACB. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ACB *(bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác)*. Số vốn gốc được bảo lãnh tại một thời điểm không vượt quá 9.983.000.000đ *(bằng chữ: Chín tỷ chín trăm tám mươi ba triệu đồng)*.

02- Chứng thư bảo lãnh ngày 04/12/2015 do bà Nguyễn Thị Ánh T ký. Theo đó, bà Nguyễn Thị Ánh T đồng ý trả thay cho Công ty TNHH NĐC khi công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng thương mại cổ phần A. Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên được cấp tín dụng với ACB *(bao gồm vốn gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả, phí, các khoản phải trả khác)*.

Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH NĐC vi phạm hợp đồng tín dụng. Do đó, ngày 17/04/2017, phía nguyên đơn đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 17/05/2017, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ

quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty, bà Trần Thị Thảo L, bà V bàn giao tài sản để thu hồi nợ nhưng các bên không thực hiện. Phía bà T cũng không thực hiện đúng theo chứng thư bảo lãnh ngày 04/12/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ tính đến ngày 06/12/2017 nợ gốc 7.096.672.000đ, lãi trong hạn 283.470.656đ, lãi quá hạn 670.660.424đ, không yêu cầu tính lãi phạt như trước đây. Tổng cộng là 8.050.803.080đ. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ khoản tiền trên thì nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả nợ khoản tiền trên thì buộc bà Trần Thị Thảo L và bà Nguyễn Thị Ánh T liên đới trả nợ thay.

Bà Hồ Thị P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty TNHH NĐC và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thảo L trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn NĐC có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền gốc 7.096.672.000đ. Việc vay trên được đảm bảo bằng tài sản và chứng thư bảo đảm như ngân hàng trình bày ở trên là đúng. Do công ty hiện nay đang gặp khó khăn làm ăn thua lỗ không thu hồi được nợ để thanh toán cho Ngân hàng. Nên xin phía ngân hàng bỏ 02 khoản lãi là lãi phạt 15.132.400đ, lãi quá hạn là 8.502.697đ. Đối với tài sản là bất động sản là tài sản cá nhân của bà L thì xin được rút từng tài sản bán trả nợ cho Ngân hàng vì bà L muốn tự bán sẽ bán được giá thị trường còn bàn giao cho Ngân hàng thì giá thấp. Riêng 04 xe ô tô là tài sản thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn NĐC xin thỏa thuận rút từng xe ra để bán thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng nhưng ACB không cho rút nên không bán được và không trả nợ cho nguyên đơn được.

Tại phiên tòa đại diện của bị đơn thừa nhận Công ty TNHH NĐC còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 7.096.672.000đ, lãi trong hạn 283.470.656đ, lãi quá hạn 670.660.424đ như đại diện của nguyên đơn trình bày và xin được trả dần theo từng hợp đồng tín dụng để bị đơn có điều kiện trả nợ cho nguyên đơn. Đối với tài sản đã thế chấp để đảm bảo khoản nợ vay và chứng thư bảo lãnh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Toàn bộ tài sản thế chấp vay tại Ngân hàng Ado con gái ruột bà là Trần Thị Thảo L đứng tên thế chấp vay, mục đích vay là để phục vụ việc kinh doanh của Công ty NĐC. Các tài sản thế chấp của do bà L đứng tên, còn bà chỉ là người ký bảo lãnh các chứng thư bảo lãnh ngày 05/08/2015 và chứng thư bảo lãnh ngày 04/12/2015, còn nội dụng chứng thư bảo lãnh bà không biết, chỉ biết ký. Khi ký các chứng thư bảo lãnh bà rất minh mẫn, không mất năng lực hành vi dân sự.

Hiện nay Ngân hàng thương mại cổ phần A có khởi kiện Công ty trách nhiệm hữu hạn NĐC số tiền gốc là 7.096.672.000đ và lãi phát sinh. Do công ty hiện nay đang gặp khó khăn làm ăn thua lỗ không thu hồi được nợ để thanh toán cho Ngân hàng. Đề nghị nguyên đơn cho bị đơn rút 04 xe ô tô đã thế chấp để bị đơn bán xử lý nợ cho nguyên đơn và xin được trả dần các khoản nợ theo từng hợp đồng tín dụng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn Thị V trình bày:

Bà có cho bà Nguyễn Thị Ánh T mượn Giấy chứng nhận QSD đất đối với diện tích 655m^2, thuộc thửa số 1045, tờ bản đồ 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để vay thế chấp tại Ngân hàng thương mại cổ phần A. Sau đó, bà T chở bà đi ký giấy tờ, còn nội dung của các giấy tờ bà ký thì bà không biết. Sau khi, Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện và Tòa án triệu tập thì bà mới biết là bà T đã dùng tài sản trên của bà để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần A của Công ty TNHH NĐC. Bà thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết Văn Thị V trong hợp đồng thế chấp số DLI.BĐ DN 01 180412 ngày 18/4/2012; đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 18/4/2012 là do bà ký và viết ra, khi ký hợp đồng trên là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Bà không đồng ý bàn giao tài sản cho Ngân hàng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng liên quan đến thửa đất của bà.

Tòa án đã tiến hành hòa giải vụ án nhưng không hòa giải được.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH NĐC.

Buộc Công ty TNHH NĐC trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 8.050.803.080đ *(Tám tỷ, không trăm năm mươi triệu, tám trăm lẻ ba ngàn, không trăm tám mươi đồng).*

Công ty TNHH NĐC phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 07/12/2017 đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Đến hạn trả nợ mà Công ty TNHH NĐC không trả hoặc trả không hết khoản nợ trên thì bà Nguyễn Thị Ánh T và bà Trần Thị Thảo L có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay trong phạm vi bảo lãnh đã cam kết theo các chứng thư bảo lãnh xác lập ngày 05/8/2015, ngày 04/12/2015 và Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tài sản thế chấp gồm:

01. Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 1045, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Văn Thị V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số DLI.BĐDN.01.180412 ngày 18/04/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Di Linh, số công chứng 1187, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD, và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/04/2012.

02. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số BLC.BĐDN.04.151014 ngày 17/10/2014 được công chứng tại Phòng Công chứng Số N tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 3246, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD, và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/10/2014, vào sổ tiếp nhận số thứ tự 3602.

03. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và Thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 30, thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLC.BĐDN.289.120615 ngày 17/06/2015 được công chứng tại Phòng Công chứng Số N tỉnh Lâm Đồng, số công chứng 2177, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD, và đăng ký thề chấp tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/06/2015, vào sổ tiếp nhận số thứ tự 3088.

04. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Thửa đất số 1134, tờ bản đồ số 30, xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLC.BĐDN.93.041215 ngày 04/12/2015 được công chứng tại Văn phòng Công chứng LTK, số công chứng 15, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD, và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm ngày 04/12/2015, vào sổ tiếp nhận hồ sơ quyển số 1, số thứ tự 5553.

05. Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu vàng cam ghi, biển kiểm soát số 49C-022.75 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số DLI.BĐDN.01070512 ngày 11/05/2012 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Di Linh, số công chứng 01260, quyển số 03, và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/05/2012 có số đăng ký là 1133102677.

06. Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-049.20 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.42.091013 ngày 09/10/2013 và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/10/2013 có số đăng ký là 1150119192.

07. Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-060.74 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.193.250414 ngày 28/04/2014 và đăng ký thế chấp Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/04/2014 có số đăng ký là 1158500111.

08. Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DAEWOO, màu đỏ, biển kiểm soát số 49C-088.37 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số BLC.BĐDN.20.050815 ngày 05/08/2015 và đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/08/2015 có số đăng ký là 1188169263.

- Về án phí: Buộc Công ty TNHH NĐC phải nộp 116.050.803đ *(Một trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn, tám trăm lẻ ba đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số

tiền 57.795.813đ *(Năm mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm mười ba đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0004804 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo quy định.

Ngày 18/12/2017, bị đơn Công ty TNHH NĐC có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm với nội dung đề nghị ngân hàng cho bị đơn rút tài sản thế chấp để tự bán, khoản thu về sẽ trả cho ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử *(sau đây gọi là HĐXX)* bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH NĐC có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nội dung đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nội dung đơn trình bày đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Văn Thị V đề nghị HĐXX gải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc thẩm phán và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm đồng thời đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu lãi phạt do chậm trả là 9.375.581đ và phí bảo hiểm đã ứng mua cho tài sản cho 04 chiếc ô tô số tiền gồm gốc và lãi là 59.418.012đ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị HĐXX sửa bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH NĐC *(sau đây gọi là Công ty)* có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho công ty tự bán các tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng theo phương thức công ty xin trả dần từng hợp đồng tín dụng và xin rút từng tài sản thế chấp là xe ô tô để bán từng chiếc trả nợ cho ngân hàng. Qua yêu cầu kháng cáo của bị đơn HĐXX thấy rằng, vào năm 2015 Công ty TNHH NĐC có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần A *(sau đây gọi là Ngân hàng)* số tiền 8.230.000.000đ thông qua 03 hợp đồng tín dụng, 03 hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung và 01 phụ lục hợp đồng cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.53.050815 ngày 06/8/2015 số tiền vay 1.900.000.000đ, mục đích vay mua xe thế chấp bằng chính xe mua để phúc vụ kinh doanh, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, sau đó hai bên ký *Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BLC.DN.53.0508/SĐBS-01 ngày 07/12/2015; Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BLC.DN.53.050815/SĐBS-02 ngày 30/01/2016* đối với khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.53.050815 ngày 06/8/2015 về tài sản bảo đảm *(BL168-171),* hợp đồng tín dụng này ngân hàng khởi kiện số tiền gốc là 1.266.672.000đ, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 64.042.208đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 127.067.257đ tổng cộng là 1.457.781.465đ.

Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.520.250116 ngày 28/01/2016, số tiền vay 1.500.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản, phân bón, VLXD các loại, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn (BL166-167), hợp đồng tín dụng này ngân hàng khởi kiện số tiền gốc là 1.000.0000.000đ, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 33.866.864đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 93.041.667đ tổng cộng là 1.126.908.531đ.

Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.820.290116 ngày 30/01/2016, số tiền vay 5.150.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản, phân bón, VLXD các loại, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận tiền vay

lần đầu, lãi suất được quy định trong từng khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, sau đó hai bên ký *Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BLC.DN.820.290116/BĐBS-02 ngày 30/01/2016* đối với khoản 4.1 Điều 4 của Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.820.290116 ngày 30/01/2016 và sửa đổi hạn mức tín dụng được cấp từ 5.150.000.000đ xuống còn 4.830.000.000đ sau khi công ty rút một số tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, *Phụ lục hợp đồng số BLC.DN.820.290116 PL-01 ngày 30/01/2016* đối với số dư nợ của Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.49.041215 ngày 07/12/2015 (BL 162-165), hợp đồng tín dụng này ngân hàng khởi kiện số tiền gốc là 4.830.000.000đ, tiền lãi trong hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 185.561.583đ và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 06/12/2017 là 450.551.499đ tổng cộng là 5.466.113.082đ.

Sau khi ký các hợp đồng tín dụng ngân hàng đã giải ngân cho công ty thông qua các khế ước nhận nợ cụ thể **Khế ước nhận nợ số 201755229 ngày 06/8/2015**, số tiền nhận nợ là 1.900.000.000đ, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 9,6%/năm (BL 160-161); **Khế ước nhận nợ số 210652149 ngày 28/01/2016**, số tiền nhận nợ là 1.500.000.000đ, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 10,5%/năm (BL 157-158); **Khế ước nhận nợ số 224965599 ngày 12/10/2016**, số tiền nhận nợ là 330.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 9,1%/năm (BL 155); **Khế ước nhận nợ số 228327629 ngày 09/12/2016**, số tiền nhận nợ là 2.050.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm (BL 154); **Khế ước nhận nợ số 228438919 ngày 12/12/2016**, số tiền nhận nợ là 2.050.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm (BL 152); **Khế ước nhận nợ số 230293969 ngày 12/01/2017**, số tiền nhận nợ là 400.000.000đ, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay 9,5%/năm (BL 150)

Khi vay có thế chấp tài sản theo 08 hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số DLI.BĐDN.01.180412 ngày 18/04/2012, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 18/04/2012;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số BLC.BĐDN.04.151014 ngày 17/10/2014, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/10/2014;

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLC.BĐDN.289.120615 ngày 17/06/2015, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 17/06/2015;

-Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLC.BĐDN.93.041215 ngày 04/12/2015, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bảo Lâm ngày 04/12/2015;

-Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số DLI.BĐDN.01070512 ngày 11/05/2012, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/05/2012;

-Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.42.091013 ngày 09/10/2013, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 10/10/2013;

-Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.193.250414 ngày 28/04/2014, đăng ký thế chấp Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/04/2014;

-Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số BLC.BĐDN.20.050815 ngày 05/08/2015, đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 05/08/2015.

Tất cả các tài sản thế chấp trên đều được bảo đảm cho nghĩa vụ của các khoản vay theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Ngoài ra bà Trần Thị Thảo L và bà Nguyễn Thị Ánh T còn ký chứng thư bảo lãnh cho bên được bảo lãnh là Công ty TNHH NĐC với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng ACB, nội dung *"Bên bảo lãnh chịu trách nhiệm trả thay cho Bên được bảo lãnh các khoản nợ của Bên được bảo lãnh với Ngân hàng ACB khi bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và số tiền thu được từ việc xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên được bảo lãnh ..."* Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán của các hợp đồng tín dụng nên ngân hàng đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng là có căn cứ. Tính đến ngày 06/12/2017 bị đơn còn nợ các khoản tiền theo 03 hợp đồng tín dụng gồm nợ gốc 7.096.672.000đ, nợ lãi trong hạn 283.470.656đ, nợ lãi quá hạn 670.660.424đ tổng cộng là 8.050.803.080đ. Sau khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn Ngân hàng đã yêu cầu bị đơn và những người dùng tài sản thế chấp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của bị đơn giao tài sản để xử lý theo quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch

bảo đảm là đúng quy định của pháp luật về xử lý tài sản thế chấp nên lý do kháng cáo của bị đơn đề nghị ngân hàng trả lại tài sản thế chấp để tự xử lý, đề nghị này không được ngân hàng đồng ý là có căn cứ, cấp sơ thẩm đã xác định đúng tính chất của vụ án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 8.050.803.080đ trong đó nợ gốc là 7.096.672.000đ, nợ lãi trong hạn 283.470.656đ, lãi quá hạn 670.660.424đ và đồng thời buộc bà Trần Thị Thảo L và bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ liên đới trả nợ thay cho Công ty TNHH NĐC khi công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và số tiền thu được từ việc xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của công ty đối với ngân hàng là có căn cứ đúng quy định tại Điều 361, 362, 363 Bộ luật dân sự năm 2005 về nghĩa vụ bảo lãnh, hình thức bảo lãnh và phạm vi bảo lãnh đã được các bên thỏa thuận với ngân hàng. Do vậy HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên theo đơn khởi kiện ngày do nguyên đơn gởi đến Tòa án ngày 12/6/2017 và lời trình bày của nguyên đơn ngày 06/12/2017 thì nguyên đơn khởi kiện ngoài số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn thì nguyên đơn còn yêu cầu khoản lãi phạt do chậm trả là 9.375.581đ và phí bảo hiểm đã ứng mua cho tài sản cho 04 chiếc ô tô số tiền gồm gốc và lãi là 59.418.012đ, tại phiên tòa đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu đối với các khoản tiền nói trên, lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện đã được nguyên đơn rút theo quy định của pháp luật, nên cần sửa bản án sơ thẩm đối với các yêu cầu đã được nguyên đơn rút tại phiên tòa.

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm không có liên quan đến yêu cầu kháng cáo và yêu cầu kháng cáo không được HĐXX phúc thẩm chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH NĐC đối với nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 06/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đối với việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A. Đối với khoản lãi do chậm trả là 9.375.581 và khoản tiền Phí bảo hiểm đã ứng mua cho tài sản cho 04 chiếc ô tô số tiền gồm gốc và lãi là 59.418.012đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần A về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn Công ty TNHH NĐC.

Buộc Công ty TNHH NĐC trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tính đến ngày 06/12/2017 số tiền 8.050.803.*080đ (Tám tỷ không trăm năm mươi triệu tám trăm lẻ ba ngàn không trăm tám mươi đồng)* trong đó nợ gốc 7.096.672.000đ, nợ lãi 954.131.000đ

Công ty TNHH NĐC phải tiếp tục chịu lãi suất kể từ ngày 07/12/2017 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong từng hợp đồng tín dụng đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cụ thể như sau: **Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.53.050815 ngày 06/8/2015** số tiền gốc là 1.266.672.000đ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ số 01 ngày 06/8/2015; **Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.520.250116 ngày 28/01/2016,** số tiền gốc là 1.000.0000.000đ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ số 01 ngày 28/01/2016; **Hợp đồng cấp tín dụng số BLC.DN.820.290116 ngày 30/01/2016** số tiền gốc là 4.830.000.000đ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Khế ước nhận nợ số 05 ngày 09/12/2016; Khế ước nhận nợ số 05 ngày 10/12/2016; Khế ước nhận nợ số 06 ngày 12/12/2016 và Khế ước nhận nợ số 07 ngày 12/01/2017.

Nếu Công ty TNHH NĐC không trả hoặc trả không hết khoản nợ trên bao gồm nợ gốc, nợ lãi và khoản lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án, thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện việc kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán gồm:

01. Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 1045, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Văn Thị V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số DLI.BĐDN.01.180412 ngày 18/04/2012.

02. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1065, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của người thứ ba số BLC.BĐDN.04.151014 ngày 17/10/2014.

03. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1540, tờ bản đồ số 32, Thôn Z, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng và Thửa đất số 1079, tờ bản đồ số 30, thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số BLC.BĐDN.289.120615 ngày 17/06/2015.

04. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 514, tờ bản đồ số 30, Thôn X, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Thửa đất số 1134, tờ bản đồ số 30, xã L, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của bà Trần Thị Thảo L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số BLC.BĐDN.93.041215 ngày 04/12/2015.

05. Xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu vàng cam ghi, biển kiểm soát số 49C-022.75 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số DLI.BĐDN.01070512 ngày 11/05/2012.

06.Xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-049.20 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.42.091013 ngày 09/10/2013.

07.Ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu FAW, màu trắng bạc ghi, biển kiểm soát số 49C-060.74 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị/Phương tiện vận tải số BLC.BĐDN.193.250414 ngày 28/04/2014 và đăng ký thế chấp Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 29/04/2014 có số đăng ký là 1158500111.

08. Xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu DAEWOO, màu đỏ, biển kiểm soát số 49C-088.37 thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của Công ty TNHH NĐC theo Hợp đồng thế chấp/cầm cố tài sản số BLC.BĐDN.20.050815 ngày 05/08/2015.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý toàn bộ tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi và khoản lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án của Công ty TNHH NĐC thì Ngân hàng thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc bà Trần

Thị Thảo L và bà Nguyễn Thị Ánh T tiếp tục nghĩa vụ thi hành án thay cho Công ty TNHH NĐC trong phạm vi bảo lãnh đã cam kết bao gồm tiền gốc bảo lãnh; lãi trong hạn, lãi quá hạn theo các Chứng thư bảo lãnh xác lập ngày 05/8/2015 giữa bà Trần Thị Thảo L với Ngân hàng thương mại cổ phần A và Chứng thư bảo lãnh xác lập ngày 04/12/2015 giữa bà Nguyễn Thị Ánh T với Ngân hàng thương mại cổ phần A cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi và tiền lãi phát sinh theo cam kết.

- Về án phí**:** Buộc Công ty TNHH NĐC phải chịu 116.050.803đ *(Một trăm mười sáu triệu không trăm năm mươi ngàn tám trăm lẻ ba đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005061 ngày 03/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, bị đơn Công ty TNHH NĐC đã nộp đủ số tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và còn phải nộp 116.050.803đ *(Một trăm mười sáu triệu, không trăm năm mươi ngàn, tám trăm lẻ ba đồng)* tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 57.795.813đ *(Năm mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi lăm ngàn, tám trăm mười ba đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0004804 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Bảo Lâm (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Hồng